

6. Các kiến nghị về thành lập hoặc rút cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc việc kiến lập, đình chỉ quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với nước ngoài chưa công bố.

7. Tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động đối ngoại quan trọng cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Tài liệu các cơ quan đại diện gửi về liên quan đến những vấn đề nhạy cảm hoặc đối tác đặc biệt.

Tài liệu về tổ chức, hoạt động nghiệp vụ đặc biệt của ngành Ngoại giao. Các tài liệu quan trọng đánh giá tình hình quốc tế, các tổ chức quốc tế, khu vực, các nước có vị thế quan trọng trên quốc tế, các nước có quan hệ đặc biệt.

8. Các tài liệu quy định, quy ước, thông số kỹ thuật về thông tin liên lạc của Bộ Ngoại giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các Quyết định số 730/Ttg ngày 01 tháng 12 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong ngành Ngoại giao và Quyết định số 324/Ttg ngày 27 tháng 5 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước của Ban Biên giới của Chính phủ.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và

hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 237/2003/QĐ-TTg ngày 13/11/2003 về Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật trong ngành Tài chính.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bí mật nhà nước trong ngành Tài chính độ Tuyệt mật gồm:

1. Tài liệu, số liệu trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội, Ban Bí thư, Bộ Chính trị để báo cáo hoặc xin chỉ thị về chủ trương xây dựng dự toán ngân sách nhà nước đối với những lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia, vay và trả nợ nước ngoài.

2. Tài liệu, số liệu về quân số, tài sản chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; các số liệu chi tiết về dự toán, cấp phát và quyết toán chi ngân sách cho việc phòng thủ đất nước và quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. Thông tin về dự trữ tài chính quốc gia (vàng, bạc, đá quý, kim loại quý hiếm, ngoại tệ) chưa công bố hoặc không công bố.

4. Chủ trương và chỉ thị đặc biệt quan trọng của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực tài chính chưa công bố hoặc không công bố.

Điều 2. Bí mật nhà nước trong ngành Tài chính độ Tối mật gồm:

1. Phương án chuẩn bị các cuộc đàm phán về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính, chuẩn bị các hiệp định ký kết

giữa nước ta và nước ngoài về hợp tác tài chính (gồm trả nợ).

2. Tài liệu, số liệu về việc vay, viện trợ nước ngoài cho Việt Nam thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng và các lĩnh vực khác không công bố.

3. Kế hoạch dài hạn về dự trữ quốc gia, số liệu tuyệt đối về tồn kho các loại vật tư, hàng hóa dự trữ quốc gia.

4. Thông tin của nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế chuyển giao cho Việt Nam có liên quan đến việc chống phá các đường dây buôn lậu ma túy, vũ khí và tẩy rửa đồng tiền có nguồn gốc từ buôn lậu ma túy, vũ khí xuyên quốc gia, mà theo yêu cầu của bên giao không công bố.

5. Tổ chức hoạt động nghiệp vụ đấu tranh chống buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, ngoại hối, tiền Việt Nam qua biên giới; chống các hành vi gian lận thương mại và rửa tiền thông qua buôn lậu hoặc gian lận.

6. Hệ thống mạng lưới và cơ sở bí mật cùng hồ sơ, tài liệu liên quan đến mạng lưới cơ sở bí mật và cộng tác viên của lực lượng điều tra chống buôn lậu thuộc lĩnh vực hải quan.

7. Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước về ngân sách đặc biệt cho phòng thủ đất nước (chiến lược bảo vệ Tổ quốc) và an ninh quốc gia.

8. Thông tin về xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng - an ninh.

9. Tin tức, tài liệu, kế hoạch phối hợp thuộc lĩnh vực hải quan với các ngành liên quan nhằm bảo vệ lợi ích, chủ quyền và an ninh quốc gia.

10. Hồ sơ vụ án do các đơn vị nghiệp vụ thuộc lực lượng hải quan thụ lý chưa công bố.

11. Tổng hợp kết quả kiểm tra sau thông quan chưa công bố.

12. Phương án giá các mặt hàng chiến lược nhà nước quản lý giá thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các Quyết định sau:

- Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 03 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật trong ngành Tài chính;

- Quyết định số 209/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong ngành Hải quan;

- Quyết định số 187/TTg ngày 20 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong ngành Dự trữ quốc gia.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 238/2003/QĐ-TTg ngày 13/11/2003 về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tại Văn bản số 211/VP8 ngày 23 tháng 10 năm 2003 và Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Văn bản số 2602/TTr-BNV ngày 05 tháng 11 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Quản lý các

09639442